

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH GIA  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HS-ST  
Ngày 29-12-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Khởi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Dương Công Trang.

Ông Lương Mạnh Dũng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trương Thị Hợi, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:*** Ông Lâm Văn Tài, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2020/HSST, ngày 30 tháng 11 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/QĐXXST-HS, ngày 16 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Chu Đức H (tức Chu Văn H), sinh ngày 17/02/2004, tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Văn H, sinh năm 1976 và bà Nông Thị N, sinh năm 1982; bị cáo có 02 anh em ruột, bị cáo là người con thứ hai; tiền án, tiền sự: Không có, bị cáo chưa bị xử phạt hành chính và xử lý kỷ luật lần nào; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Dương Công Đáp, cộng tác viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

***- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo:*** Ông Chu Văn H1, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

***Bị hại:*** Anh Nông Văn C, sinh ngày 22/02/2005. Địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

***- Người đại diện hợp pháp cho bị hại:*** Bà Nông Thị L, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:* Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị L. Vắng mặt.  
Ông Nguyễn Văn Q, cháu Hoàng Thị Kim O, người đại diện hợp pháp cho cháu Hoàng Thị Kim O là bà Lưu Thị H. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 0 giờ, ngày 05/9/2020, bị cáo Chu Đức H, sinh ngày 17/02/2004, trú tại thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 93N1- 1632 mượn của bà Lưu Thị H, sinh năm 1979, địa chỉ thôn Nà Lò, xã Hoa Thám, huyện B, tỉnh Lạng Sơn đến nhà bạn là anh Nông Văn C, sinh ngày 22/02/2005, trú tại thôn B, xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn chơi, khi đến nhà anh Nông Văn C thì thấy mọi người đã đi ngủ. Do đã đến nhà Nông Văn C nhiều lần và biết cách mở then cài cửa, nên Chu Đức H tự mở cửa vào trong nhà và thấy anh Nông Văn C đang ngủ say trên giường, quan sát thấy chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO F11 PRO của anh Nông Văn C đang sạc pin ở đầu giường, Chu Đức H rút lấy điện thoại của Nông Văn C để sử dụng, một lúc sau thấy anh Nông Văn C vẫn ngủ say nên Chu Đức H nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại. Lấy được chiếc điện thoại Chu Đức H cầm chiếc điện thoại của anh Nông Văn C ra khỏi cửa và điều khiển xe đi về chợ Văn Mịch xã Hồng Phong, huyện B ngủ, đến chiều ngày 06/9/2020 Chu Đức H đem chiếc điện thoại trộm cắp được của anh Nông Văn C sang thị trấn Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn bán cho ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1986, trú tại số 92, khối phố Lê Hồng Phong, thị trấn Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn được số tiền là 2.500.000đồng rồi Chu Đức H mua 01 chiếc điện thoại mới nhãn hiệu REDLME NOTE8 với giá 2.200.000đồng kèm theo phụ kiện giá 150.000đồng, rồi trở về thị trấn B và đến gặp bạn là chị Hoàng Thị Kim O, sinh năm 2005, trú tại thôn Nà Lò, xã Hoa Thám, huyện B đang là học sinh trọ học tại thị trấn B, Chu Đức H đã đổi chiếc điện thoại của mình vừa mua cho chị Hoàng Thị Kim O để lấy chiếc điện thoại nhãn hiệu VIVO đem về nhà.

Sáng ngày 06/9/2020 anh Nông Văn C phát hiện bị mất chiếc điện thoại, nên đã cùng mẹ đẻ là bà Nông Thị L, sinh năm 1983 trú cùng địa chỉ đến trình báo Công an để điều tra làm rõ vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, thu thập tài liệu chứng cứ và tiến hành các biện pháp truy tìm. Sau khi cơ quan điều tra triệu tập đến để làm việc, ngày 11/9/2020 Chu Đức H đã đến cửa hàng của ông Nguyễn Văn Q để chuộc lại chiếc điện thoại trộm cắp được của anh Nông Văn C để giao nộp cho cơ quan điều tra. Lời khai nhận của bị cáo Chu Đức H là phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Theo kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 15/KLĐGTS, ngày 13/10/2020 kết luận chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO F11 PRO Chu Đức H trộm cắp có giá trị là 5.352.000đồng.

Ngày 14/10/2020, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Chu Đức H về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đối với ông Nguyễn Văn Q khi mua chiếc điện thoại không biết tài sản do trộm cắp mà có. Chị Hoàng Thị Kim O khi đổi điện thoại không biết điện thoại của bị cáo mua được bằng tiền do trộm cắp được mà có, bà Lưu Thị H không biết bị cáo sử dụng xe của mình để đi trộm cắp tài sản, nên cơ quan điều tra không xem xét.

Về vật chứng vụ án gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F11 PRO màu xanh dương màn hình cảm ứng đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo trộm cắp bị cáo đã giao nộp để điều tra. Tại phiên tòa anh anh Nông Văn C và bà Nông Thị L không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Người làm chứng tại phiên tòa khai báo đúng với diễn biến nội dung vụ án.

Bản cáo trạng số: 24/CT-VKS-BG, ngày 30/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố bị cáo Chu Đức H hóa về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, bị cáo Chu Đức H thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu, không kêu oan, cho thấy hành vi của bị cáo đã cấu thành tội Trộm cắp tài sản. Do vậy, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Chu Đức H phạm tội Trộm cắp tài sản, áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 91, khoản 3 Điều 98, Điều 100 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo Chu Đức H từ 06 đến 09 tháng Cải tạo không giam giữ. Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt được đã được thu hồi và trả lại cho bị hại, tại phiên tòa không yêu cầu bồi thường thêm nên cần xác nhận việc bị hại đã nhận lại tài sản. Buộc bị cáo chịu án phí và không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo, không khấu trừ thu nhập của bị cáo do bị cáo là người chưa thành niên phạm tội.

Người bào chữa cho bị cáo Chu Đức H nêu luận cứ bào chữa cho bị cáo, nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên, việc truy tố là đúng người, đúng tội, không oan và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 2 Điều 91, khoản 3 Điều 98, Điều 100 của Bộ luật Hình sự là bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đề nghị xử phạt giảm nhẹ cho bị cáo Chu Đức H phạt bị cáo từ 03 đến 06 tháng cải tạo không giam giữ, xác nhận bị hại đã nhận lại tài sản, xem xét về án phí sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người bào chữa, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị hại, người giám hộ cho người làm chứng đều không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội, chứng cứ buộc tội: Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai người làm chứng và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ xác định hành vi của bị cáo là lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của bị hại có giá trị là 5.352.000đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, tuy nhiên bị cáo là người chưa thành niên phạm tội, nên buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định. Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan, cần tuyên bố bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng 2 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về nhân thân người phạm tội: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, chưa bị xử lý kỷ luật lần nào.

[5] Xét về tính chất mức độ phạm tội của bị cáo: Bị cáo Chu Đức H phạm tội do lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong quản lý tài sản mà bị hại là người quen biết của mình trong lúc ngủ say, nên đã có cơ hội tiếp cận tài sản để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại với mục đích bán lấy tiền mua tài sản khác để sử dụng, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đi chuộc lại tài sản giao nộp với mục đích trả lại cho bị hại, từ nhận định đánh giá trên, căn cứ Điều 91 của Bộ luật Hình sự, cần áp dụng hình phạt cho bị cáo Chu Đức H cải tạo không giam giữ tại mức khởi điểm của khung hình phạt, nhằm răn đe đối với bị cáo cải tạo thành người có ích cho xã hội là hợp lý.

[6] Đối với ông Nguyễn Văn Q và chị Hoàng Thị Kim O không biết được việc trộm cắp tài sản của bị cáo và tài sản do trộm cắp mà có, bà Lưu Thị H là người cho bị cáo mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu KOZUMI, biển kiểm soát 93 N - 1632, bị cáo đã sử dụng để di chuyển đi trộm cắp tài sản, bà Lưu Thị H không biết, cơ quan điều tra không thu giữ chiếc xe, nên những người trên cơ quan điều tra không xem xét là đúng quy định.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người chưa thành niên phạm tội, nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền và không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo là có căn cứ.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt được đã được thu hồi và trả lại cho bị hại, tại phiên tòa bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

[9] Về vật chứng: Chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO F11PRO thu được, thấy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, ngày 17/11/2020 cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại là anh Nông Văn C, nên cần xác nhận bị hại đã nhận lại tài sản là phù hợp.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

[11] ] Lời của người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng Điều 100 của Bộ luật hình sự để phạt cải tạo không giam giữ là có căn cứ nên được chấp nhận.

[12] Lời đề nghị của Kiểm sát viên cơ bản là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được xem xét trong phần quyết định.

[13] Bị cáo, bị hại, người bào chữa, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị hại có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các khoản 1, 3 và 6 Điều 91, khoản 3 Điều 98, Điều 100, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Chu Đức H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt bị cáo Chu Đức H 06 (sáu) tháng Cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã M nhận được Bản án và quyết định thi hành bản án.

Giao bị cáo Chu Đức H cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục, nếu trong thời gian giám sát giáo dục mà bị cáo bị mất việc làm thì Ủy ban nhân dân xã giao công việc lao động phục vụ cộng đồng cho bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp trong việc giám sát, giáo dục và thông báo kết quả chấp hành án của bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã M khi có yêu cầu; phải có mặt tại cuộc họp kiểm điểm người chấp hành án theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân xã M được giao giám sát, giáo dục.

Trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì có thể bị kiểm điểm, nếu tái phạm thì có thể bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Trường hợp người đang chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền và không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Chu Đức H.

2. Về vật chứng: Xác nhận anh Nông Văn C đã nhận lại tài sản là chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO F11 PRO đã qua sử dụng, theo biên bản trả lại tài sản của cơ quan điều tra ngày 17/11/2020.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Chu Đức H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

Bị cáo, bị hại, người bào chữa, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị hại có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Toà án ND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư Pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã M;
- Bị cáo, bị hại;
- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo và bị hại;
- Lưu hồ sơ + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Khởi**

